

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Hương.

2. Ông Bùi Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng – Là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thu Thủy - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 19xx. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Buôn D, xã E, tỉnh Đ (*địa chỉ cũ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đ*).

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1x, xã N, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Trọng T, sinh năm 19xx là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: xx/x G, tổ dân phố xA, phường B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 19xx và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn T, xã C, tỉnh Đ (*địa chỉ cũ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đ*).

- Người làm chứng: Bà Tô Thị L (tên gọi khác: Bé M), sinh năm 19xx. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Trọng T và nguyên đơn bà Vũ Thị Ng trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Nguyễn Quang Đ, bà Nguyễn Thị D (Viết tắt là vợ chồng ông Đ) đã nhiều lần vay tài sản của bà Ng với tổng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 1000kg cà phê quy chuẩn, Cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/5/2020 âm lịch (Tức ngày 22/6/2020), vợ chồng ông Đ vay của bà Ng số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 2%/tháng.

Lần 2: Ngày 18/6/2020 âm lịch (Tức ngày 07/8/2020) vợ chồng ông Đ vay của bà Ng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 2%/tháng.

Ông Đ, bà D hẹn đến ngày 18/11/2020 sẽ trả cho bà Ng toàn bộ số tiền đã vay và tiền lãi suất theo thỏa thuận.

Lần 3: Khoảng tháng 9/2020 âm lịch vợ chồng ông Đ tiếp tục vay của bà Ng 1000kg cà phê quy chuẩn. Hẹn bằng miệng đến ngày 18/11/2020 sẽ trả đủ cà phê cùng với số tiền đã vay và lãi suất theo thỏa thuận.

Sau đó bà Ng và vợ chồng ông Đ đã thỏa thuận lại bằng miệng sau 01 năm vợ chồng ông Đ sẽ trả đủ cho bà Ng 1000kg cà phê đã vay và lãi suất là 200kg cà phê/năm.

Đến hạn trả nợ bà Ng đã liên hệ vợ chồng ông Đ yêu cầu trả cho bà Ng số tiền, cà phê đã vay và lãi suất theo thỏa thuận nhưng vợ chồng ông Đ, hẹn lại đến mùa cà phê năm 2022 sẽ trả cho bà Ng.

Từ đó đến nay bà Ng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông Đ trả tiền và cà phê cho bà Ng nhưng vợ chồng ông Đ luôn khất lần, mùa cà phê thì hẹn đến mùa tiêu, mùa tiêu lại hẹn đến mùa sầu riêng, nhưng vẫn không trả cho bà Ng. Gần đây nhất

là ngày 02/8/2025 bà Ng đến tận nhà vợ chồng ông Đ tại buôn T, xã C, tỉnh Đ yêu cầu vợ chồng ông Đ trả tiền và cà phê cùng lãi suất cho bà Ng theo thỏa thuận nhưng vợ chồng ông Đ không chịu trả mà chửi bới, thách thức bà Ng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng.

Vì vậy, bà Ng đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ phải trả cho bà Ng cả gốc và lãi số tiền vay là 111.413.333 đồng.

Buộc vợ chồng ông Đ trả cho bà Ng 2000kg cà phê quy chuẩn, trong đó: 1000kg cà phê quy chuẩn và lãi từ năm 2020 đến năm 2025 là 1000kg cà phê quy chuẩn.

Tuy nhiên, ngày 05/9/2025 bà Ng có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay là 50.000.000 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi.

Còn đối với nợ cà phê, bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với nội dung: Buộc ông Đ và bà D trả cho bà Ng tổng gốc và lãi là 1.500kg cà phê quy chuẩn. Trong đó: Nợ gốc là 1000kg cà phê quy chuẩn và nợ lãi là 500kg cà phê quy chuẩn.

- Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Quang Đ trình bày:

Ông Đ và bà D có mối quan hệ là vợ chồng. Ông Đ với bà Ng và bà L là hàng xóm, bạn bè cùng tu.

Đối với khoản tiền vay, ngày 03/9/2025 giữa vợ chồng ông Đ và bà Ng đã thỏa thuận thống nhất với nhau về nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 78.000.000 đồng và vợ chồng ông Đ đã trả đủ cho bà Ng.

Còn đối với khoản nợ cà phê thì ông Đ chốt cà phê của bà Ng với số lượng là 1000kg, thời gian chốt vào khoảng tháng 11 năm 2021 âm lịch, với số tiền là 32.000.000 đồng. Ông Đ có viết giấy với nội dung “*Nguyễn Quang Đ mượn một nghìn kg cà phê quy chuẩn 1000kg lô gam*”, giấy không đề thời gian chốt cà phê. Giữa ông Đ và bà Ng không thỏa thuận lãi suất đối với việc chốt cà phê. Đối với việc chốt cà phê thì giữa ông Đ và bà Ng không thỏa thuận thời hạn ông Đ giao cà phê cho bà Ng.

Vào khoảng tháng 12 năm 2022, ông Đ có chốt cà phê của bà Tô Thị L với số lượng là 05 tạ cà phê quy chuẩn với số tiền 20.000.000 đồng và trả cho bà Ng. Ông Đ trả cho bà Ng trước công nhà riêng của bà L, ông Đ trả cho bà Ng vào lúc 09 giờ tối nên chỉ có ông Đ và bà Ng, bà Ng không viết giấy nhận tiền cho ông Đ. Hiện nay, ông Đ chỉ còn nợ bà Ng là 05 tạ cà phê nhân quy chuẩn. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là 1.500kg cà phê quy chuẩn.

Tại phiên tòa ông Đ có ý kiến thỏa thuận sẽ trả cho bà Ng nợ gốc là 1000kg cà phê quy chuẩn, không đồng ý trả nợ lãi cà phê vì tại thời điểm ông Đ chốt cà phê của bà Ng các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà Ng không đồng ý.

- Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D đồng ý với ý kiến của ông Đ. Mặc dù, tại thời điểm ông Đ chốt cà phê của bà Ng không có mặt của bà D, bà D không ký vào giấy chốt cà phê nhưng bà D vẫn đồng ý cùng ông Đ trả nợ cho bà Ng.

- Trong quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Tô Thị L trình bày:

Bà L có mối quan hệ quen biết với bà Ng, ông Đ và bà D. Bà L cùng đi tu với ông Đ và bà Ng.

Bà L có mở điểm thu mua cà phê tên là “Bé M”. Cuối tháng 12 năm 2022, ông Đ có đến điểm thu mua của bà L, năn nỉ bà L chốt 05 tạ cà phê nhân rồi sau Tết bà L có bán cà phê bao nhiêu thì ông Đ trả cho bà L, thì bà L có hỏi ông Đ còn mấy ngày nữa đến Tết ông chốt cà phê để làm gì, ông Đ nói với bà L là để trả nợ cho bà Ng thì bà L đồng ý cho ông Đ chốt 05 tạ cà phê nhân nhưng đến 09 giờ tối ông Đ và bà Ng mới đến nhà riêng của bà L, bà L cho ông Đ chốt 05 tạ cà phê nhân quy ra tiền là 20.000.000 đồng để ông Đ trả nợ cho bà Ng. Giữa bà L và ông Đ có lập biên bản giao nhận nhưng từ đó cho đến nay ông Đ đã trả gần hết cho bà L nên bà L đã xóa sổ, hiện nay không còn nên bà L không cung cấp được cho Tòa án.

Bà L không chứng kiến việc ông Đ trả tiền cho bà Ng, vì tại thời điểm đó bà L ở trong nhà, còn bà Ng đứng trước cổng nhà bà L. Sau khi bà L giao tiền cho ông Đ thì ông Đ mang tiền ra ngoài cổng để trả cho bà Ng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ng. Buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Vũ Thị Ng 1000kg cà phê nhân quy chuẩn.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng về việc buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải trả lãi là 500kg cà phê nhân quy chuẩn.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng về việc buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải trả tiền vay là 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà D trả nợ tiền vay và trả nợ cà phê với hình thức chốt giá cà phê nhận tiền là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D cư trú tại buôn Tar, xã Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện khoản tiền vay.

Ngày 05/9/2025 bà Ng có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay là 50.000.000 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Đ trả cho bà Ng 1000kg cà phê quy chuẩn:

Cùng với đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Vũ Thị Ng đã cung cấp bản gốc Giấy chốt cà phê với nội dung, cụ thể: “*Nguyễn Quang Đ mượn một nghìn kg cà phê quy chuẩn 1000kg lô gam*”. Giấy không đề ngày tháng năm chốt cà phê, bà Ng đã giao cho ông Đ số tiền chốt cà phê là 32.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận thời hạn ông Đ giao cà phê, không có chữ ký của các bên nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ thừa nhận dòng chữ trên là do ông Đ viết ra, ông Đ có chốt của bà Ng 1000kg cà phê nhân quy chuẩn và nhận của bà Ng số tiền chốt cà phê 32.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, ông Đ cho rằng vào khoảng tháng 12 năm 2022, ông Đ có chốt cà phê của bà Tô Thị L với số lượng là 05 tạ cà phê quy chuẩn với số tiền 20.000.000 đồng và trả cho bà Ng. Ông Đ trả cho bà Ng trước cổng nhà riêng của bà L, ông Đ trả cho bà Ng vào lúc 09 giờ tối nên chỉ có ông Đ và bà Ng, bà Ng không viết giấy nhận tiền cho ông Đ. Hiện nay, ông Đ chỉ còn nợ bà Ng là 05 tạ cà phê nhân quy chuẩn.

Trong quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Tô Thị L đồng ý với ý kiến của ông Đ về việc ông Đ có chốt cà phê của bà với số tiền 20.000.000 đồng để trả cho bà Ng nhưng bà không chứng kiến trực tiếp việc ông Đ trả tiền cho bà Ng. Bà Ng không chấp nhận ý kiến của ông Đ và bà L về việc ông Đ đã trả cho bà Ng 05 tạ cà phê quy chuẩn, tính đến nay ông Đ chưa trả cho bà Ng được khoản nợ cà phê nào. Ngoài ra, ông Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ có ý kiến thỏa thuận sẽ trả cho bà Ng nợ gốc là 1000kg cà phê quy chuẩn, không đồng ý trả nợ lãi cà phê vì tại thời điểm ông Đ chốt cà phê của bà Ng các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà Ng không đồng ý.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ng có cơ sở chấp nhận, buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ng 1000kg cà phê nhân quy chuẩn.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ và bà D trả cho bà Ng lãi suất từ năm 2020 đến năm 2025 là 1000kg cà phê quy chuẩn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với nội dung: Buộc ông Đ và bà D trả cho bà Ng nợ lãi là 500kg cà phê quy chuẩn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình ký kết hợp đồng mua bán tài sản, giữa bà Ng và ông Đ không thỏa thuận về thời hạn giao tài sản, không thỏa thuận lãi suất đối với người bán. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự chỉ quy định “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy*

định tại Điều 357 của bộ luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận đối với yêu cầu lãi 500kg cà phê nhân quy chuẩn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần không chấp nhận, cụ thể: Giá cà phê nhân tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2025 là $(115.500 \text{ đồng/kg} \times 500\text{kg}) \times 5\% = 2.887.500 \text{ đồng}$.

Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể: $(115.500 \text{ đồng/kg} \times 1000\text{kg}) \times 5\% = 5.775.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 26; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 430; Điều 431; Điều 432; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ng.

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Ng 1000kg cà phê nhân quy chuẩn.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ng về việc buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D trả cho bà Ng lãi suất 500kg cà phê nhân quy chuẩn.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền vay là 50.000.000 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Ng phải chịu 2.887.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 7.785.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005741 ngày 11/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đắk Lắk. Bà Vũ Thị Ng được nhận lại số tiền 4.897.500 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị D phải chịu 5.775.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Thị Nở

